

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 102/2023/DS-GĐT

Ngày: 17/05/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán:

ông Bùi Đức Xuân

bà Trần Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa:

ông Huỳnh Ngọc Trí, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

tham gia phiên tòa: ông Lê Công Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng*” giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 1 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2/Bị đơn:

Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số E, đường số A, tổ A, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Ngân hàng TMCP Q;

Địa chỉ: tầng A và 2 tòa nhà S, số A P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: đường M, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Phạm Văn H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Vào ngày 11/11/2020, ông Phạm Văn H (ông H) cho bà Lê Thị Hồng L (bà L) vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất (do hai bên thỏa thuận bằng lời nói) là 3%/tháng; việc giao-nhận tiền thực hiện tại nhà ông H.

Để làm tin, bà L thế chấp 01 xe ô-tô 07 chỗ (ngồi) màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21, kèm theo là 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 bản sao hợp đồng tín dụng ký kết giữa ngân hàng TMCP Q với bà L vào ngày 06/09/2019; giao dịch vay tiền thiết lập bằng hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản, ghi ngày 11/11/2020.

Khi đến hạn, ông H đã nhiều lần đòi nhưng bà L xin khất nợ, cho đến nay vẫn không trả nợ.

Vì vậy, ông H khởi kiện, đòi bà L phải trả số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi (tạm tính từ ngày 11/11/2020 đến ngày 11/08/2022 với lãi suất 1%/tháng) là 210.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu trả lãi với lãi suất quá hạn là 0,8%/tháng, tạm tính từ ngày 11/02/2021 đến ngày 11/08/2022 là 18 tháng tương, là 144.000.000 đồng; tổng cộng là 1.144.000.000 đồng.

Ông H không có ý kiến gì về yêu cầu độc lập của ngân hàng TMCP Q.

Bị đơn là bà Lê Thị Hồng L trình bày ý kiến như sau:

Giữa bà L và ông H không có mối quan hệ giao dịch vay mượn tiền. Bà L chỉ có mối quan hệ tình cảm, hùn hạp làm ăn với ông Phạm Văn H1 (là anh ruột của ông H) từ năm 2013.

Vào khoảng năm 2020, trong khi bà L ở nhà một mình, ông H1 và một người đàn ông khác đến khống chế, đe dọa, ép buộc, yêu cầu phải ký tên và lấn tay vào giấy biên nhận. Vào lúc đó, bà L không biết nội dung của giấy biên nhận đó như thế nào. Sau khi ông H1 và người đàn ông đó đi về, ông H1 gửi tin nhắn, yêu cầu bà L không được báo công an. Sau này, bà L mới biết rằng người đi cùng với ông H1, là ông Hòa

Bà L thừa nhận rằng chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trong hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản ghi ngày 11/11/2020 là của bà L, nhưng phải thực hiện vì bị khống chế, ép buộc.

Đối với chiếc xe ô-tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21: đây là xe của ông H1 mua, nhờ bà L đứng tên giúp (vì khi đó, ông H1 mua xe trả góp, nhưng vợ-chồng ông H1 xảy ra mâu thuẫn, vợ ông H1 không đồng ý ký tên để cùng ông H1 mua xe trả góp); trả góp cho ngân hàng TMCP Q - chi nhánh Q1, phòng G; số tiền trả trước cho ngân hàng 500.000.000 đồng là tiền của ông H1 trả; sau đó hàng tháng, ông H1 trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Từ tháng 10/2021 cho đến ngày nay, ông H1 không trả tiền cho ngân hàng. Vì là người đứng tên trong hợp đồng tín dụng, nên bà L phải trả tiền cho ngân hàng, mỗi tháng trả cả tiền gốc và tiền lãi vào khoảng 25.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của ngân hàng TMCP Q, bà L đồng ý. Số tiền còn nợ ngân hàng là 455.000.000 đồng, bà L không còn khả năng trả nợ, đồng ý giao xe ô-tô biển số 61A-658.21 cho ngân hàng để trả nợ.

Đối với số tiền đã bỏ ra để trả lãi cho ngân hàng (từ tháng 10/2021 cho đến ngày nay), bà L sẽ tự giải quyết với ông H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn H1 trình bày ý kiến như sau:

Ông H1 là anh ruột của ông H; giữa ông H1 và bà L có mối quan hệ tình cảm và mối quan hệ làm ăn từ năm 2013.

Sự việc ông H khởi kiện, đòi bà L phải trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng ghi ngày 11/11/2020, ông H1 không đồng ý vì số tiền này do ông H1 vay của ông H; khi vay, để làm tin, ông H1 phải giao xe ô-tô biển số 61A- 658.21 cho ông H; đây là xe của ông H1 nhưng nhờ bà L đứng tên giúp và nhờ bà L ký tên, lấn tay tại hợp đồng ghi ngày 11/11/2020. Ông H1 chỉ thực nhận từ ông H số tiền 800.000.000 đồng.

Ông H1 cho rằng không có sự việc ông H1 và ông H đến nhà, khống chế, ép buộc bà L ký tên vào hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản ghi ngày 11/11/2020; việc bà L ký tên là tự nguyện.

Đối với xe ô-tô biển số 61A-658.21: đây là xe của ông H1 mua với giá gần 1.600.000.000 đồng, trả trước 500.000.000 đồng, số còn lại trả góp cho ngân hàng TMCP Q - chi nhánh Q1, phòng G.

Khi mua xe, do vợ-chồng ông H1 xảy ra mâu thuẫn, nên ông H1 đã nhờ bà L đứng tên trong hợp đồng tín dụng, cũng như đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô nêu trên.

Trong thời gian vừa qua, ông H1 vẫn trả nợ cho ngân hàng. Kể từ tháng 10/2021, do việc làm ăn thất bại, nên không trả tiền cho ngân hàng; bà L là

người đứng ra trả nợ thay. Ông H1 thừa nhận rằng xe ô-tô biển số 61A-658.21 chính là xe được ghi nhận trong hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản ngày 11/11/2020.

Ông H1 cho rằng số tiền 1.000.000.000 đồng là do đương sự vay, đồng ý trả nợ cho ông H.

Ngân hàng TMCP Q trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 06/09/2019, bà L ký kết hợp đồng tín dụng số 9203262.19 với ngân hàng Q - chi nhánh Q1, phòng G; hợp đồng có nội dung như sau: số tiền vay là 1.050.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng (kể từ ngày giải ngân 10/09/2019 đến ngày 09/09/2024); lãi suất là 9,3%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên; hết thời hạn này, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần; mục đích vay là để mua xe ô-tô nhãn hiệu Ford Everest; tài sản bảo đảm là xe ô-tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 do Phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh B cấp cho bà L vào ngày 05/09/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L trả nợ cho ngân hàng Q - chi nhánh Q1, phòng G. Tuy nhiên, theo Đ 9.1.3 Khoản 9.1 Điều 9 của hợp đồng thế chấp, bà L sẽ bị coi là vi phạm nếu là đối tượng của bất kỳ vụ án tranh chấp, kiện tụng nào mà theo ngân hàng, ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Hiện nay, đã là bị đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông H nên bà L đã vi phạm Đ 9.1.3 Khoản 9.1 Điều 9 của hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết.

Vì vậy, ngân hàng có yêu cầu độc lập đối với bà L, cụ thể như sau:

-Yêu cầu bà L trả ngay cho ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/07/2022, là 459.051.370 đồng, (nợ gốc là 455.000.000 đồng và tiền lãi là 4.051.370 đồng);

-Yêu cầu Tòa án tuyên bản giao tài sản thế chấp là 01 xe ô-tô nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát 61A-658.21 do Phòng C-Công an tỉnh B cấp cho bà L vào ngày 05/09/2019 cho ngân hàng, để xử lý thu hồi nợ theo quy định chung.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09/09/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông H tổng số tiền 1.144.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản đề ngày 11/11/2020 và tiền lãi 144.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H có trách nhiệm trả lại cho bà L 01 xe ô tô 07 chỗ màu trắng, nhãn hiệu Ford, biển số 61A-658.21 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho bà Lê Thị Hồng L ngày 05/9/2019.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Lê Thị Hồng L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 459.051.370 đồng, trong đó tiền nợ gốc 455.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/7/2022 là 4.051.370 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 9203262.19 ngày 06/9/2019.

Kể từ ngày 22/7/2022, đến khi thi hành án xong, bà L còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 9203262.19 ngày 06/9/2019.

Sau khi bà L trả hết số nợ trên, Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm trả lại bà L 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 105338 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho bà L ngày 05/9/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 20/09/2020, bà L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại bản án Dân sự phúc thẩm số 283/2022/DS-PT ngày 21/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử như sau:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Hồng L. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09/09/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và hiệu lực thi hành của bản án.

Vào ngày 05/01/2023, ông Phạm Văn H có đơn yêu cầu xem xét lại bản án phúc thẩm nói trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại quyết định số 84/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 11/04/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án Dân sự phúc thẩm số 283/2022/DS-PT ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, yêu cầu Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án Dân sự phúc thẩm, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09/09/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; lý do như sau:

-Tại tờ giấy viết tay “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản” ghi ngày 11/11/2020, bà Lê Thị Hồng L thừa nhận rằng đương sự đã ký tên, điểm chỉ và viết rõ họ tên vào văn bản này;

-Không có bằng chứng để xác định rằng bà Lê Thị Hồng L đã bị ép buộc phải ký tên, điểm chỉ vào tờ giấy viết tay nói trên. Do đó, đương sự phải chịu mọi hậu quả pháp lý theo “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản” ghi ngày 11/11/2020.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh như đã nói ở phần trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Theo sự trình bày của ông Phạm Văn H, vào ngày 11/11/2020, đương sự cho bà Lê Thị Hồng L vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lại suất thỏa thuận là 3%/tháng.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay, bà Lê Thị Hồng L thế chấp 01 xe ô-tô màu trắng (biển số 61A- 658.21, nhãn hiệu Ford); 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô; 01 bản sao của hợp đồng tín dụng ký kết ngày 06/09/2019 (giữa ngân hàng TMCP Q và bà Lê Thị Hồng L). Giao dịch giữa hai bên được lập dưới hình thức là “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản” ghi ngày 11/11/2020.

[2]Khi khởi kiện, ông Phạm Văn H xuất trình bằng chứng là tờ giấy viết tay có nhan đề “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản” ghi ngày 11/11/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Hồng L thừa nhận rằng chữ ký, chữ viết (họ và tên) và dấu vân tay tại tờ “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản” ghi ngày 11/11/2020 nói trên, là do đương sự ký tên, viết ra và điểm chỉ.

[3]Mặc dù thừa nhận như vậy, nhưng bà Lê Thị Hồng L cho rằng đương sự không vay tiền của ông Phạm Văn H; sự việc ký tên, viết họ tên, điền chỉ vào bản “Hợp đồng mượn tiền cầm cố tài sản” là do ông Phạm Văn H1 và ông Phạm Văn H không chế, đe dọa, ép buộc phải ký.

[4]Ngoài lời khai của mình, bà Lê Thị Hồng L không có bất cứ bằng chứng nào để chứng minh rằng lời khai của đương sự, là đúng. Trong khi đó, phía ông Phạm Văn H1 và ông Phạm Văn H không thừa nhận như vậy.

Trong trường hợp đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H, là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1/Chấp nhận kháng nghị số 84/QĐKNĐT-VKS-DS ngày 11/04/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án Dân sự phúc thẩm số 283/2022/DS-PT ngày 21/12/2022 (kèm theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 08/2023/QĐ-SCBSBA ngày 21/03/2013) của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 09/09/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là ông Phạm Văn H; bị đơn là bà Lê Thị Hồng L (và những đương sự khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

2/Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và QLKH-TANDTC (để biết);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi Cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT (VP, GĐKT II, THS), hồ sơ vụ án_17b

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thanh Tùng

